

Xây dựng bộ công cụ thu thập số liệu

Nguyễn Trương Nam

Copyright – Bản quyền thuộc về tác giả và thongke.info. Khi sử dụng một phần hoặc toàn bộ bài giảng đề nghị mọi người trích dẫn: tên tác giả và thongke.info. Ví dụ: Nguyễn Thị Linh – [Thongke.info](http://thongke.info).

Một bộ câu hỏi tốt sẽ

- Có thể thu được thông tin chính xác đáp ứng nhu cầu của người sử dụng số liệu trong thời gian cho phép
- Tạo thuận lợi cho công tác thu thập, xử lý số liệu và lập bảng
- Đảm bảo tính kinh tế trong thu thập số liệu, tránh thu thập thông tin không cần thiết
- Cho phép phân tích toàn diện, đầy đủ ý nghĩa và mục đích sử dụng của số liệu đã thu thập được.

Các bước xây dựng một bộ câu hỏi

- 1. Xác định câu hỏi nghiên cứu và quần thể nghiên cứu.
- 2. Quyết định phiếu hỏi sẽ được quản lý như thế nào
- 3. Xây dựng câu hỏi.
- 4. Xây dựng các đáp án trả lời.
- 5. Thiết kế trình bày.
- 6. Thử nghiệm câu hỏi và trình bày.
- 7. Kiểm tra giá trị chuẩn (validity), độ tin cậy (reliability), tính chấp nhận (acceptability)
- 8. Chỉnh sửa và hoàn thiện bảng hỏi.
- 9. In bảng hỏi.

Nguồn: A. Williams. How to write and analyze a questionnaire. Journal of Orthodontics, Vol. 30, 2003, 245–252)

Bám sát câu hỏi nghiên cứu và quần thể nghiên cứu.

- Việc xác định câu hỏi nghiên cứu, quần thể nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu rất quan trọng. Trong quá trình thiết kế bộ câu hỏi cần bám sát các yếu tố này.
- Tránh khai thác tìm hiểu một loạt các vấn đề thu hút bạn nhưng lại không liên quan đến nghiên cứu.

Bộ câu hỏi sẽ được quản lý như thế nào?

- Phỏng vấn viên điền vào bộ câu hỏi
 - Bộ câu hỏi cần được in đóng lại một cách cứng cáp để hạn chế rách trong quá trình thực địa
- Người được phỏng vấn tự điền
 - Bằng thư: bộ câu hỏi cần thiết kế đơn giản, đẹp, thu hút để tăng tỉ lệ trả lời, các hướng dẫn rõ ràng
 - Tại địa điểm nghiên cứu: ngắn gọn, đơn giản, rõ ràng

Từ ngữ hỏi

1. Sử dụng ngôn từ đơn giản.
2. Tránh biệt ngữ.
3. Câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng.
4. Tránh mơ hồ.
5. Tránh những câu hỏi ghép (với từ “và”; “hoặc”).
6. Tránh lặp lại câu hỏi với nghĩa phủ định.
7. Tránh những câu hỏi dẫn dắt, ngụ ý.
8. Tránh câu hỏi “cài bẫy”
9. Tránh khai thác quá sâu trí nhớ của người trả lời.
10. Tránh câu hỏi giả định.

Xây dựng các câu hỏi

- Câu hỏi trực tiếp liên quan đến câu hỏi nghiên cứu
- Câu hỏi sàng lọc tìm hiểu đặc điểm của các nhóm nghiên cứu khác nhau
- Mặc dù câu hỏi sàng lọc không phải là một phần của câu hỏi nghiên cứu nhưng giúp cho câu hỏi trôi chảy hơn.

Câu hỏi từ những bộ câu hỏi sẵn có

- Sử dụng những câu hỏi từ bộ câu hỏi sẵn có (với sự cho phép của tác giả).
- Điều này không chỉ tránh “tái phát minh ra bánh xe” mà còn cho phép so sánh trực tiếp số liệu của bạn với những nghiên cứu trước đó.
- Lưu ý những câu hỏi này cần sử dụng nguyên văn để giữ đúng giá trị.

Những câu hỏi mới do nhà nghiên cứu đặt ra

- Dựa trên chuyên môn và kinh nghiệm của nhà nghiên cứu.
- Dựa trên nghiên cứu định tính (thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu) để xây dựng công cụ định lượng.
- Dựa trên những nghiên cứu trước đó.
- Cần lưu ý đến thử nghiệm giá trị và độ tin cậy của câu hỏi.

Xây dựng câu hỏi

- **Trình tự câu hỏi:**

- Nghiên cứu chỉ ra rằng tỉ lệ phản hồi cao hơn nếu đặt những câu hỏi chung khái quát trước câu hỏi cụ thể.
- Câu hỏi đầu tiên nên dễ, thú vị và không nhạy cảm. Cách xây dựng này mang lại sự tự tin cho người trả lời khi tiến hành cuộc phỏng vấn.
- **Tranh luận:** đặt những câu hỏi nhạy cảm ở cuối bảng hỏi để một lần nữa người trả lời được thoải mái.

Xây dựng lựa chọn trả lời

- Câu hỏi đóng
 - Có/Không
 - Đánh dấu nhiều lựa chọn
 - Lựa chọn xếp hạng theo thứ tự ưu tiên hoặc hoàn thành thang đo Likert.
 - “Không biết”

Thiết kế trình bày

- Đảm bảo rằng tất cả các câu hỏi đều được trả lời
- Tạo mã hóa số liệu và phân tích
- Bộ câu hỏi được chia thành nhiều phần và số câu hỏi trong một phần, ví dụ: A1–10, B1–12,
- Hướng dẫn rõ ràng ở đoạn mở đầu và trong suốt bộ câu hỏi

Ví dụ về trình bày bảng hỏi

- Nghiên cứu ADB

Questionnaire Oct 27 Final.doc

- Nghiên cứu PSI

Questionnaire VIE 6110 Final.doc

Thử nghiệm trước bộ câu hỏi và trình bày

- Mẫu nhỏ: một ít đối tượng phù hợp, có thể là bạn hoặc đồng nghiệp và thông qua việc hỏi nhau để phát hiện những lỗi tiềm ẩn.
- Môi trường được kiểm soát
- Phân tích định tính
- Nhấn mạnh vào:
 - Việc quản lý câu hỏi của phỏng vấn viên
 - Khả năng trả lời để trả lời câu hỏi không có sai sót
- Qui trình không chính thức

Kỹ thuật trước thử nghiệm

- Chuyên gia đánh giá
- Thảo luận nhóm
- Phỏng vấn thử (hỏi đối tượng những câu hỏi về câu hỏi điều tra)
- Phỏng vấn PVV
- Quan sát phỏng vấn

Thử nghiệm bộ câu hỏi nghiên cứu

- Độ chuẩn, độ tin cậy, tính chấp nhận
- Thử nghiệm nên dựa trên những đối tượng trong quần thể tương tự với quần thể nghiên cứu

Kiểm tra độ chuẩn

- Một bộ câu hỏi có “độ chuẩn” nếu nó xem xét được đầy đủ phạm vi câu hỏi nghiên cứu một cách cân bằng và đo lường được cái cần đo lường.
- Criterion validity: được đánh giá bằng so sánh thang đo mới với thang đo “tiêu chuẩn vàng” hiện có.
- Factual validity: được kiểm tra bằng cách so sánh thông tin họ trả lời về những sự kiện lâm sàng so với những ghi chép lâm sàng.
- Face validity: kiểm tra bằng phỏng vấn người dân, trực tiếp hoặc qua điện thoại, sau khi họ hoàn thành bộ câu hỏi để tìm hiểu xem liệu câu trả lời trong câu hỏi có đúng với ý kiến thật của họ hay không?

Kiểm tra độ chuẩn

- Content validity: tất cả các khía cạnh của thang đo đã được bao gồm.
- Internal consistency: các câu hỏi liên quan đến nhau như thế nào và tổng điểm kiểm tra

Kiểm tra độ tin cậy

- Độ tin cậy được định nghĩa là: bộ câu hỏi đo lường tại các thời điểm khác nhau đưa ra các kết quả thống nhất và giống nhau.
- Đối với câu hỏi tự điền thì 2 yếu tố của độ tin cậy phải được kiểm tra kỹ. Có thể đánh giá độ tin cậy bằng cách cho cùng một đối tượng hoàn thành lại câu trả lời cách sau 2-3 tuần

Kiểm tra tính khả thi

- Đối tượng thí điểm nghiên cứu viết ý kiến của họ về bộ câu hỏi
- Hỏi đối tượng về cảm nhận của họ khi trả lời các câu hỏi trong thử nghiệm

- Sửa đổi và hoàn thiện bảng câu hỏi
- In bảng câu hỏi

(A. Williams. How to write and analyze a questionnaire. Journal of Orthodontics, Vol. 30, 2003, 245–252)